

Số: 23 /NQ-HĐND

Tân An, ngày 05 tháng 10 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**  
**Bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026**  
**trên địa bàn xã Tân An (đợt 1)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ TÂN AN**  
**KHÓA XIII, KỲ HỌP THỨ 7**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của HĐND xã về kế hoạch đầu tư công từ nguồn ngân sách xã và nguồn vốn khác do xã quản lý năm 2026;*

*Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2026 của HĐND xã về điều chỉnh, bổ sung vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn xã Tân An (đợt 1);*

*Xét Tờ trình số 167/TTr-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2026 của UBND xã về việc bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 trên địa bàn xã Tân An (đợt 1); Báo cáo thẩm tra số 63/BC-KTNS ngày 02 tháng 10 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**A. BỔ SUNG NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT TĂNG THU SO VỚI DỰ TOÁN ĐƯỢC GIAO.**

- B. BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 .**

**\* Kế hoạch đã phê duyệt điều chỉnh đợt 4: 63.617,000 triệu đồng**

## 1. Kế hoạch vốn đã điều chỉnh đợt 4:

**a) Nguồn vốn ngân sách tập trung: 14.099,000 triệu đồng**

- |                               |                       |
|-------------------------------|-----------------------|
| - Lĩnh vực kinh tế:           | 12.599,000 triệu đồng |
| - Lĩnh vực môi trường:        | 200,000 triệu đồng    |
| - Lĩnh vực tài chính và khác: | 1.300,000 triệu đồng  |

**b) Nguồn vốn xỏ số kiến thiết: 9.518,000 triệu đồng**

- Lĩnh vực Giáo dục – Đào tạo: 9.518,000 triệu đồng

**c) Nguồn thu tiền sử dụng đất: 40.000,000 triệu đồng**

- Lĩnh vực Khoa học, công nghệ và chuyển đổi số: 500,000 triệu đồng
- Lĩnh vực kinh tế: 30.668,266 triệu đồng
- Lĩnh vực Giáo dục – Đào tạo: 8.831,734 triệu đồng

**2. Nguồn vốn chưa phân bổ sau đợt 4** **0 triệu đồng**

- |                                  |              |
|----------------------------------|--------------|
| - Nguồn vốn ngân sách tập trung: | 0 triệu đồng |
| - Nguồn xổ số kiến thiết:        | 0 triệu đồng |
| - Nguồn thu tiền sử dụng đất:    | 0 triệu đồng |

**\* Tổng kế hoạch vốn sau bổ sung đợt 1: 72.617,000 triệu đồng**

### 1. Kế hoạch sau bổ sung vốn đợt 1:

|                                                  |                              |
|--------------------------------------------------|------------------------------|
| <b>a) Nguồn vốn ngân sách tập trung:</b>         | <b>14.099,000 triệu đồng</b> |
| - Lĩnh vực kinh tế:                              | 12.599,000 triệu đồng        |
| - Lĩnh vực môi trường:                           | 200,000 triệu đồng           |
| - Lĩnh vực tài chính và khác:                    | 1.300,000 triệu đồng         |
| <b>b) Nguồn vốn xổ số kiến thiết:</b>            | <b>9.518,000 triệu đồng</b>  |
| - Lĩnh vực Giáo dục – Đào tạo:                   | 9.518,000 triệu đồng         |
| <b>c) Nguồn thu tiền sử dụng đất:</b>            | <b>49.000,000 triệu đồng</b> |
| - Lĩnh vực Khoa học, công nghệ và chuyển đổi số: | 2.881,230 triệu đồng         |
| - Lĩnh vực kinh tế:                              | 36.252,598 triệu đồng        |
| - Lĩnh vực Giáo dục – Đào tạo:                   | 9.866,172 triệu đồng         |
| <b>2. Nguồn vốn dự phòng chưa phân bổ</b>        | <b>0 triệu đồng</b>          |
| - Nguồn vốn ngân sách tập trung:                 | 0 triệu đồng                 |
| - Nguồn xổ số kiến thiết:                        | 0 triệu đồng                 |
| - Nguồn thu tiền sử dụng đất:                    | 0 triệu đồng                 |

*(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)*

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân xã chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân xã về tính chính xác của hồ sơ, tài liệu, số liệu và các nội dung của việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công; bảo đảm việc tổ chức thực hiện đúng quy định của pháp luật, đúng đối tượng, tiêu chí, thứ tự ưu tiên, đúng thẩm quyền và có tính khả thi; đồng thời chỉ đạo thực hiện kế hoạch, giải ngân vốn đầu tư công đạt mục tiêu, tiến độ đã được Hội đồng nhân dân xã quyết định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, kiến nghị và nguyện vọng của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Tân An khóa XIII, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 05 tháng 10 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND thành phố Đồng Nai;
- UBND thành phố Đồng Nai;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Ủy ban nhân dân xã;
- UBMTTQVN và các tổ chức CT-XH xã;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc UBND xã;
- Ban Biên tập Trang thông tin điện tử xã (đăng tải);
- Lưu: VT, TH HĐND.

**CHỦ TỊCH**



**Lê Đỗ Kim Chi**



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
XÃ TÂN AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

**BỔ SUNG VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TÂN AN (ĐỢT 1)**

(Đính kèm Nghị quyết số 23 /NQ-HĐND ngày 05/10/2026 của Hội đồng nhân dân xã Tân An)

| Số TT     | Danh mục dự án và nguồn vốn thực hiện                                                                          | Địa điểm xây dựng | Địa điểm mở tài khoản của dự án | Chủ đầu tư          | Mã dự án | Mã ngành kinh tế | Thời gian thực hiện | Quyết định duyệt dự án      |        | Kế hoạch vốn đầu tư công sau phê duyệt điều chỉnh năm 2026 (đợt 4) | Bổ sung (từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất) đợt 1 | Tổng kế hoạch vốn sau phê duyệt bổ sung năm 2026 (đợt 1) | Ghi chú |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------|----------|------------------|---------------------|-----------------------------|--------|--------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|---------|
|           |                                                                                                                |                   |                                 |                     |          |                  |                     | Số QĐ                       | TMDT   |                                                                    |                                                    |                                                          |         |
| 1         | 2                                                                                                              | 3                 | 4                               | 5                   | 6        | 7                | 8                   | 9                           | 10     | 11                                                                 | 12                                                 | 13=11+12                                                 | 14      |
|           | <b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>                                                                                       |                   |                                 |                     |          |                  |                     |                             |        | <b>63.617,000</b>                                                  | <b>9.000,000</b>                                   | <b>72.617,000</b>                                        |         |
| <b>A</b>  | <b>NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG</b>                                                                           |                   |                                 |                     |          |                  |                     |                             |        | <b>14.099,000</b>                                                  | <b>-</b>                                           | <b>14.099,000</b>                                        |         |
| <b>I</b>  | <b>Vốn dự án chuẩn bị đầu tư</b>                                                                               |                   |                                 |                     |          |                  |                     |                             | -      | <b>200,000</b>                                                     | <b>-</b>                                           | <b>200,000</b>                                           |         |
| <b>1</b>  | <b>Lĩnh vực kinh tế</b>                                                                                        |                   |                                 |                     |          |                  |                     |                             |        | <b>-</b>                                                           | <b>-</b>                                           | <b>-</b>                                                 |         |
| <b>a</b>  | <b>Lĩnh vực quy hoạch và quản lý quy hoạch</b>                                                                 |                   |                                 |                     |          |                  |                     |                             |        | <b>-</b>                                                           | <b>-</b>                                           | <b>-</b>                                                 |         |
| a.1       | Quy hoạch chung xã Tân An tỷ lệ 1/10.000                                                                       | xã Tân An         | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Phòng Kinh tế       |          | 332              | 2026-2028           |                             | 800    |                                                                    |                                                    | -                                                        |         |
| a.2       | Chỉnh trang quy hoạch Khu tái định cư 0,8 ha xã Tân An                                                         | xã Tân An         | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Phòng Kinh tế       |          | 332              | 2026-2028           |                             | 150    |                                                                    |                                                    | -                                                        |         |
| <b>2</b>  | <b>Lĩnh vực môi trường</b>                                                                                     |                   |                                 |                     |          |                  |                     |                             |        | <b>200,000</b>                                                     | <b>-</b>                                           | <b>200,000</b>                                           |         |
| 2.1       | Đầu tư xây dựng Trạm trung chuyển rác thải sinh hoạt xã Tân An - 1.                                            | xã Tân An         | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Văn phòng HĐND-UBND | 8190232  | 278              | 2026-2028           |                             | 3.965  | 200,000                                                            |                                                    | 200,000                                                  |         |
| <b>II</b> | <b>Vốn thực hiện dự án</b>                                                                                     |                   |                                 |                     |          |                  |                     |                             |        | <b>13.899,000</b>                                                  | <b>-</b>                                           | <b>13.899,000</b>                                        |         |
| <b>1</b>  | <b>Lĩnh vực kinh tế</b>                                                                                        |                   |                                 |                     |          |                  |                     |                             |        | <b>12.599,000</b>                                                  | <b>-</b>                                           | <b>12.599,000</b>                                        |         |
| <b>a</b>  | <b>Lĩnh vực giao thông</b>                                                                                     |                   |                                 |                     |          |                  |                     |                             |        | <b>1.917,652</b>                                                   | <b>-</b>                                           | <b>1.917,652</b>                                         |         |
| a.1       | Đầu tư xây dựng đường liên tổ 8 - 10, ấp 3                                                                     | xã Tân An         | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Văn phòng HĐND-UBND | 8190233  | 292              | 2026-2028           | 1174/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 | 1.206  | 1.079,092                                                          |                                                    | 1.079,092                                                |         |
| a.2       | Đầu tư xây dựng đường tổ 7, ấp 5 (nhánh 1).                                                                    | xã Tân An         | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Văn phòng HĐND-UBND | 8192251  | 292              | 2026-2028           | 1179/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 | 948    | 838,560                                                            |                                                    | 838,560                                                  |         |
| <b>b</b>  | <b>Lĩnh vực cấp thoát nước</b>                                                                                 |                   |                                 |                     |          |                  |                     |                             |        | <b>9.465,092</b>                                                   | <b>-</b>                                           | <b>9.465,092</b>                                         |         |
| b.1       | Đầu tư các tuyến ống cấp nước trên địa bàn ấp 1, 2, 3, 4, 5, 6 (giai đoạn 2)                                   | xã Tân An         | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Phòng Kinh tế       | 8182403  | 311              | 2026-2028           | 74/QĐ-PKT                   | 18.140 | 3.438,553                                                          |                                                    | 3.438,553                                                |         |
| b.2       | Đầu tư các tuyến ống cấp nước trên địa bàn ấp 7, 8, 9, Bình Chánh, Bình Trung, Cây Xoài, Thái An (giai đoạn 2) | xã Tân An         | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Phòng Kinh tế       | 8182404  | 311              | 2026-2028           | 453/QĐ-UBND ngày 07/4/2026  | 6.656  | 6.026,539                                                          |                                                    | 6.026,539                                                |         |
| <b>c</b>  | <b>Lĩnh vực kiến thiết thị chính</b>                                                                           |                   |                                 |                     |          |                  |                     |                             |        | <b>1.216,256</b>                                                   | <b>-</b>                                           | <b>1.216,256</b>                                         |         |
| c.1       | Tuyến điện hạ thế sau TBA 3x25KVA tổ 6-7 ấp 5 xã Tân An                                                        | xã Tân An         | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Phòng Kinh tế       | 8180230  | 312              | 2026-2028           | 462/QĐ-UBND ngày 08/4/2026  | 416    | 375,209                                                            |                                                    | 375,209                                                  |         |
| c.2       | Tuyến điện hạ thế sau TBA 3P - 160KVA đường Bít, ấp Cây Xoài                                                   | xã Tân An         | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Phòng Kinh tế       | 8180231  | 312              | 2026-2028           | 461/QĐ-UBND ngày 08/4/2026  | 116    | 100,524                                                            |                                                    | 100,524                                                  |         |

| Số TT      | Danh mục dự án và nguồn vốn thực hiện                                                                                     | Địa điểm xây dựng | Địa điểm mở tài khoản của dự án | Chủ đầu tư                  | Mã dự án | Mã ngành kinh tế | Thời gian thực hiện | Quyết định duyệt dự án      |        | Kế hoạch vốn đầu tư công sau phê duyệt điều chỉnh năm 2026 (đợt 4) | Bổ sung (từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất) đợt 1 | Tổng kế hoạch vốn sau phê duyệt bổ sung năm 2026 (đợt 1) | Ghi chú |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|-----------------------------|----------|------------------|---------------------|-----------------------------|--------|--------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|---------|
|            |                                                                                                                           |                   |                                 |                             |          |                  |                     | Số QĐ                       | TMDT   |                                                                    |                                                    |                                                          |         |
| c.3        | Nâng cấp cải tạo, tuyến đường dây trung, hạ thế và TBA 3P-160KVA trụ sở UBND xã Tân An                                    | xã Tân An         | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Phòng Kinh tế               | 8180232  | 312              | 2026-2028           | 323/QĐ-UBND ngày 03/3/2026  | 809    | 740,523                                                            |                                                    | 740,523                                                  |         |
| <b>3</b>   | <b>Lĩnh vực Tài chính và khác</b>                                                                                         |                   |                                 |                             |          |                  |                     |                             |        | <b>1.300,000</b>                                                   | -                                                  | <b>1.300,000</b>                                         |         |
| 3.1        | Ủy thác sang ngân hàng chính sách                                                                                         | xã Tân An         | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Ngân hàng chính sách xã hội |          |                  |                     |                             | 1.300  | 1.300,000                                                          | -                                                  | 1.300,000                                                |         |
| <b>III</b> | <b>Dự phòng các nhiệm vụ (bổ trí cấp sau quyết toán; nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư; các dự án đủ điều kiện bổ sung vốn...)</b> |                   |                                 |                             |          |                  |                     |                             |        | -                                                                  |                                                    | -                                                        |         |
| <b>B</b>   | <b>NGUỒN VỐN XÓ SỔ KIẾN THIẾT</b>                                                                                         |                   |                                 |                             |          |                  |                     |                             |        | <b>9.518,000</b>                                                   | -                                                  | <b>9.518,000</b>                                         |         |
| <b>I</b>   | <b>Vốn thực hiện dự án</b>                                                                                                |                   |                                 |                             |          |                  |                     |                             |        | <b>9.518,000</b>                                                   | -                                                  | <b>9.518,000</b>                                         |         |
| <b>1</b>   | <b>Lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo</b>                                                                                        |                   |                                 |                             |          |                  |                     |                             |        | <b>9.518,000</b>                                                   | -                                                  | <b>9.518,000</b>                                         |         |
| 1.1        | Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Tân An                                                                                      | xã Tân An         | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Phòng VH-XH                 | 8175941  | 073              | 2026-2028           | 1183/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 | 10.350 | 1.730,424                                                          |                                                    | 1.730,424                                                |         |
| 1.2        | Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Vĩnh Tân                                                                                    | xã Tân An         | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Phòng VH-XH                 | 8186768  | 073              | 2026-2028           | 468/QĐ-UBND ngày 09/4/2026  | 8.924  | 7.787,576                                                          |                                                    | 7.787,576                                                |         |
| <b>II</b>  | <b>Dự phòng các nhiệm vụ (bổ trí cấp sau quyết toán; nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư; các dự án đủ điều kiện bổ sung vốn...)</b> |                   |                                 |                             |          |                  |                     |                             |        | -                                                                  |                                                    |                                                          |         |
| <b>C</b>   | <b>NGUỒN SỬ DỤNG ĐẤT</b>                                                                                                  |                   |                                 |                             |          |                  |                     |                             |        | <b>40.000,000</b>                                                  | <b>9.000,000</b>                                   | <b>49.000,000</b>                                        |         |
| <b>I</b>   | <b>Vốn thực hiện dự án</b>                                                                                                |                   |                                 |                             |          |                  |                     |                             |        | <b>40.000,000</b>                                                  | <b>9.000,000</b>                                   | <b>49.000,000</b>                                        |         |
| <b>1</b>   | <b>Lĩnh vực khoa học công nghệ - chuyển đổi số</b>                                                                        |                   |                                 |                             |          |                  |                     |                             |        | <b>500,000</b>                                                     | <b>2.381,230</b>                                   | <b>2.881,230</b>                                         |         |
| 1.1        | Dự án Mua sắm và lắp đặt hệ thống Camera AI trên địa bàn xã Tân An.                                                       | xã Tân An         | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Phòng VH-XH                 | 8215682  | 103              | 2026-2028           | 3529/QĐ-UBND ngày 11/9/2026 | 3.200  | 500,000                                                            | 2.381,230                                          | 2.881,230                                                |         |
| <b>2</b>   | <b>Lĩnh vực Kinh tế</b>                                                                                                   |                   |                                 |                             |          |                  |                     |                             |        | <b>30.668,266</b>                                                  | <b>5.584,332</b>                                   | <b>36.252,598</b>                                        |         |
| <b>a</b>   | <b>Lĩnh vực giao thông</b>                                                                                                |                   |                                 |                             |          |                  |                     |                             |        | <b>18.744,000</b>                                                  | <b>1.903,256</b>                                   | <b>20.647,256</b>                                        |         |
| a.1        | Cải tạo, Nâng cấp đường liên tổ 15 - 16 -17, ấp Bình Chánh                                                                | xã Tân An         | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Văn phòng HỖND-UBND         | 8190253  | 292              | 2026-2028           | 1172/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 | 2.909  | 2.529,000                                                          | 192,204                                            | 2.721,204                                                |         |
| a.2        | Cải tạo, sửa chữa đường và hệ thống thoát nước đường vào Trường THCS Vĩnh Tân                                             | xã Tân An         | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Văn phòng HỖND-UBND         | 8192004  | 292              | 2026-2028           | 1182/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 | 1.673  | 1.593,000                                                          |                                                    | 1.593,000                                                |         |
| a.3        | Nâng cấp tuyến Đường Liên ấp 1 - 4                                                                                        | xã Tân An         | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Văn phòng HỖND-UBND         | 8190240  | 292              | 2026-2028           | 1173/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 | 5.055  | 4.084,000                                                          | 311,052                                            | 4.395,052                                                |         |
| a.4        | Đầu tư xây dựng đường liên tổ 6-7, ấp 5                                                                                   | xã Tân An         | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Văn phòng HỖND-UBND         | 8190245  | 292              | 2026-2028           | 1175/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 | 8.020  | 5.355,000                                                          |                                                    | 5.355,000                                                |         |
| a.5        | Đầu tư xây dựng đường liên tổ 9-10, ấp 5 (đoạn còn lại)                                                                   | xã Tân An         | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Văn phòng HỖND-UBND         | 8191867  | 292              | 2026-2028           | 1181/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 | 6.628  | 4.448,000                                                          | 1.400,000                                          | 5.848,000                                                |         |

| Số TT     | Danh mục dự án và nguồn vốn thực hiện                                                                                                          | Địa điểm xây dựng | Địa điểm mở tài khoản của dự án | Chủ đầu tư          | Mã dự án | Mã ngành kinh tế | Thời gian thực hiện | Quyết định duyệt dự án      |        | Kế hoạch vốn đầu tư công sau phê duyệt điều chỉnh năm 2026 (đợt 4) | Bổ sung (từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất) đợt 1 | Tổng kế hoạch vốn sau phê duyệt bổ sung năm 2026 (đợt 1) | Ghi chú |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------|----------|------------------|---------------------|-----------------------------|--------|--------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|---------|
|           |                                                                                                                                                |                   |                                 |                     |          |                  |                     | Số QĐ                       | TMDT   |                                                                    |                                                    |                                                          |         |
| a.6       | Dự án Nâng cấp mở rộng đường liên tổ 11-12, ấp 3.                                                                                              | xã Tân An         | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Văn phòng HĐND-UBND | 8191868  | 292              | 2026-2028           | 1180/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 | 16.435 | 735,000                                                            |                                                    | 735,000                                                  |         |
| <b>b</b>  | <b>Lĩnh vực kiến thiết thị chính</b>                                                                                                           |                   |                                 |                     |          |                  |                     |                             |        | <b>3.464,266</b>                                                   | <b>-</b>                                           | <b>3.464,266</b>                                         |         |
| b.1       | Hệ thống chiếu sáng đường kênh N3 (giai đoạn 1)                                                                                                | xã Tân An         | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Văn phòng HĐND-UBND | 8190236  | 312              | 2026-2028           | 1176/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 | 2.528  | 2.395,478                                                          |                                                    | 2.395,478                                                |         |
| b.2       | Hệ thống chiếu sáng đường Bến Xúc (giai đoạn 1)                                                                                                | xã Tân An         | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Văn phòng HĐND-UBND | 8190244  | 312              | 2026-2028           | 1177/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 | 906    | 848,598                                                            |                                                    | 848,598                                                  |         |
| b.3       | Xây mới đường dây hạ thế tổ 10, ấp 7                                                                                                           | xã Tân An         | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Văn phòng HĐND-UBND | 8190242  | 312              | 2026-2028           | 1178/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 | 236    | 220,190                                                            |                                                    | 220,190                                                  |         |
| <b>c</b>  | <b>Lĩnh vực cấp thoát nước</b>                                                                                                                 |                   |                                 |                     |          |                  |                     |                             |        | <b>8.460,000</b>                                                   | <b>3.681,076</b>                                   | <b>12.141,076</b>                                        |         |
| c.1       | Đầu tư các tuyến ống cấp nước trên địa bàn ấp 1, 2, 3, 4, 5, 6 (giai đoạn 2)                                                                   | xã Tân An         | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Phòng Kinh tế       | 8182403  | 311              | 2026-2028           | 74/QĐ-PKT                   | 18.140 | 8.460,000                                                          | 3.681,076                                          | 12.141,076                                               |         |
| <b>3</b>  | <b>Lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo</b>                                                                                                             |                   |                                 |                     |          |                  |                     |                             |        | <b>8.831,734</b>                                                   | <b>1.034,438</b>                                   | <b>9.866,172</b>                                         |         |
| 3.1       | Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Tân An                                                                                                           | xã Tân An         | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Phòng VH-XH         | 8175941  | 073              | 2026-2028           | 1183/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 | 10.350 | 6.797,734                                                          | 1.034,438                                          | 7.832,172                                                |         |
| 3.2       | Đầu tư trang thiết bị đồng bộ phòng máy vi tính phục vụ học tập cho các Trường trên địa bàn xã Tân An (Trường TH Sông Mỹ và Trường TH Tân An). | xã Tân An         | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Phòng VH-XH         | 8190271  | 072              | 2026-2028           | 1184/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 | 2.142  | 2.034,000                                                          |                                                    | 2.034,000                                                |         |
| <b>II</b> | <b>Dự phòng các nhiệm vụ (bổ trí cấp sau quyết toán; nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư; các dự án đủ điều kiện bổ sung vốn...)</b>                      |                   |                                 |                     |          |                  |                     |                             |        | <b>-</b>                                                           |                                                    |                                                          |         |